



Số: 30.../2025/CBTT-Mirex

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam

Địa chỉ: tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 3783 0926

Người thực hiện công bố: Lương Thị Hương

Chức vụ: Hành chính nhân sự

Loại tin công bố:

☐ 24h

☐ Bất thường

☐ Theo yêu cầu

☒ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam Công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/3/2024 tại đường dẫn <https://mirex.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trước nội dung các thông tin đã công bố ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

LƯƠNG THỊ HƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101914063
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.31 11:25:30+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101914063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/4/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023.

Vốn Điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023: 130.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM MINERAL RESOURCES AND METALLURGY JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là MIREX., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Thông	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Cẩm Tú	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Ngô Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Định	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

*Số: 133/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NVI***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam được lập ngày 26/3/2025 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng tin cậy liên quan đến số dư khoản phải trả người bán không biến động trong nhiều năm tài chính với giá trị ghi sổ tại 31/12/2024 là: 97.595.893.443 đồng (tại 01/01/2024 với giá trị là 97.599.284.731 đồng). Các thủ tục kiểm toán khác cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng trả nợ của các khoản nợ này tại thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản phải trả này tại thời điểm 31/12/2024.

Theo thuyết minh 5.16 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản vay Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 19/TDĐT-TH/PVFC/08 ngày 04/4/2008 đến nay đã quá hạn thanh toán với số dư nợ gốc phải trả tại 31/12/2024 là 582.037.940.553 đồng, lãi vay phải trả tại ngày 31/12/2024: 429.053.228.277 đồng (tổng dư nợ gốc và lãi vay phải trả đến ngày 31/12/2024: 1.011.091.168.830 đồng). Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng thích hợp, tin cậy liên quan đến việc gia hạn thời gian trả nợ hoặc tái cấu trúc khoản nợ gốc vay và lãi nêu trên, do đó chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ này của Công ty tại thời điểm 31/12/2024.

Do ảnh hưởng của giới hạn về phạm vi kiểm toán đối với các khoản nợ phải trả người bán và nợ vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam nêu trên của Công ty tại thời điểm 31/12/2024. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty có khả năng thanh toán được các khoản nợ phải trả nêu trên trong năm tài chính tiếp theo hay không. Chúng tôi không thể xác định được liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4: Giả định về hoạt động liên tục: Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền: 1.229,57 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là: 1.178,3 tỷ đồng), nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 863,73 tỷ đồng (tại 01/01/2024: 776,6 tỷ đồng). Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 86,24 tỷ đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 1.007,5 tỷ đồng, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 870,68 tỷ đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng gia hạn các khoản vay Ngân hàng PVcomBank và các nhà cung cấp. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng vấn đề này.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Lưu Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2024-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		87.164.159.939	78.267.056.107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	966.792.796	191.735.125
1. Tiền	111		966.792.796	191.735.125
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.340.594.087	10.762.726.115
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.830.335.553	6.709.676.221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.108.482.425	1.045.445.981
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.092.551.365	4.698.379.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.690.775.256)	(1.690.775.256)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	69.433.353.957	66.329.823.658
1. Hàng tồn kho	141		69.433.353.957	66.329.823.658
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		423.419.099	982.771.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	81.625.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		379.221.287	856.948.397
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	44.197.812	44.197.812
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		375.834.296.673	411.702.800.541
II. Tài sản cố định	220		352.833.762.008	388.100.552.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	352.833.762.008	388.100.552.584
Nguyên giá	222		834.100.380.664	834.100.380.664
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.266.618.656)	(445.999.828.080)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		988.985.585	988.985.585
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(988.985.585)	(988.985.585)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.289.670.527	21.362.638.777
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.289.670.527	21.362.638.777
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		391.660.000	391.660.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	391.660.000	391.660.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.319.204.138	1.847.949.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.319.204.138	1.847.949.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		462.998.456.612	489.969.856.648

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1.326.736.811.724	1.266.618.723.912
I. Nợ ngắn hạn	310		1.316.736.811.724	1.256.618.723.912
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	142.090.127.293	132.875.392.314
2. Người mua trả tiền trước	312	5.13	7.195.650	7.195.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	437.624.133	670.875.999
4. Phải trả người lao động	314		19.378.800.950	19.302.640.950
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	512.877.683.562	477.278.457.455
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	641.945.380.136	626.484.161.544
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	10.000.000.000	10.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		(863.738.355.112)	(776.648.867.264)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(870.685.214.939)	(784.435.296.550)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.000.000.000	130.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.817.050.713	6.817.050.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.007.502.265.652)	(921.252.347.263)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(921.252.347.263)	(827.214.158.013)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(86.249.918.389)	(94.038.189.250)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.946.859.827	7.786.429.286
1. Nguồn kinh phí	431		1.517.256.088	1.517.256.088
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5.429.603.739	6.269.173.198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		462.998.456.612	489.969.856.648
(440 = 300 + 400)				

Người lập

Võ Thị Hoài

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	16.739.823.291	21.457.018.987
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16.739.823.291	21.457.018.987
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.336.397.337	57.816.103.352
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(32.596.574.046)	(36.359.084.365)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.999.250.665	7.294.995
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	59.452.587.009	51.123.767.258
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.892.926.108	42.474.023.821
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.091.012.962	2.738.529.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		(85.140.923.352)	(90.214.086.066)
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.642.250.598	6.046.070.132
12. Chi phí khác	32	6.6	2.751.245.635	10.263.322.346
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.6	(1.108.995.037)	(4.217.252.214)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(86.249.918.389)	(94.431.338.280)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(86.249.918.389)	(94.431.338.280)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(6.635)	(7.264)

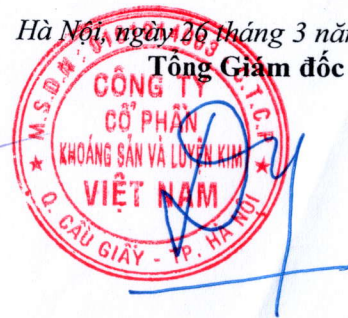
Người lập

Võ Thị Hoài

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025
Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.034.076.456	14.828.668.061
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(3.472.884.848)	(7.583.561.083)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.219.431.350)	(1.477.600.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(48.291.666)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		190.950.000	1.646.620.178
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4.657.432.587)	(6.250.659.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(124.722.329)	1.115.175.774
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	7.294.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	7.294.995
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		999.780.000	1.614.900.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(100.000.000)	(2.988.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		899.780.000	(1.373.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		775.057.671	(251.029.231)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		191.735.125	442.764.356
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	966.792.796	191.735.125

Người lập

Võ Thị Hoài

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025
Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101914063 lần đầu ngày 12/4/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023: 130.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM MINERAL RESOURCES AND METALLURGY JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là MIREX.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2024 là 26 người (tại ngày 31/12/2023 là 28 người).

1.2 Ngành nghề hoạt động kinh doanh

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt, thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng);
- Buôn bán vật liệu lắp đặt khác trong xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp àng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học công nghệ tự nhiên; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh quặng sắt, bột sắt; gia công cơ khí.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ năm 2014 đến nay, dây chuyền sản xuất chính (lò hoàn nguyên công suất 100.000 tấn/năm) không hoạt động do không có đủ quặng để duy trì sản xuất liên tục. Giai đoạn 2014 – 2021, các hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam tập trung vào dự án khoa học công nghệ cấp quốc gia “Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xộp và nghiên cứu sử dụng sắt xộp để luyện một số thép hợp kim phục vụ Kinh tế và Quốc phòng”. Giai đoạn 2021-2022, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam đã xin được cấp phép khai thác Mô sắt Bản Luộc và tiến hành các thủ tục pháp lý để được khai thác (GPMB, Diện tích mỏ, Xây dựng và nghiệm thu môi trường các công trình trong Mỏ...). Trong giai đoạn này, các sản phẩm khoa học công nghệ cũng được thử nghiệm trong Công nghiệp Quốc phòng (như phôi đúc làm đạn cối vỏ thép); thử nghiệm trên thị trường dân sinh (như bột sắt dùng làm chất hút Oxy phục vụ bảo quản thực phẩm).

Từ năm 2023, các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường (đặc biệt một số sản phẩm độc quyền), đã có các đơn hàng ổn định hàng tháng (trong đó có từ CNQP). Từ năm 2023, Mô sắt Bản Luộc được chính thức đi vào khai thác. Tuy nhiên do đặc điểm của Mô khó khai thác, nên công suất khai thác chỉ đạt ~ 40% công suất thiết kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Do vấn đề thiếu nguyên liệu, nên Nhà máy chỉ vận hành được ở quy mô rất nhỏ (~ 1% công suất thiết kế), trong khi Công ty phải trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản đã đầu tư (trong đó có nhiều thiết bị không hoạt động hoặc hoạt động ở công suất tối thiểu), chi trả các chi phí bảo dưỡng thiết bị, đặc biệt phải gánh chịu khoản lãi vay đầu tư Nhà máy từ nhiều năm trước ... dẫn đến mặc dù đã hết sức cố gắng đạt hiệu quả từ kết quả hoạt động kinh doanh như nêu trên tuy nhiên vẫn chưa thể bù đắp được các chi phí khấu hao và lãi vay. Việc này dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ. Tuy vậy, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất nhằm: (1) từng bước phát triển thị trường sản phẩm (mở rộng quy mô về số lượng và chủng loại sản phẩm); (2) sản xuất kết hợp bảo vệ, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, đảm bảo khi có đủ nguyên liệu thì có thể sản xuất 100% công suất trong thời gian ngắn nhất; (3) tạo ưu thế trong việc xin cấp Mỏ quặng sắt; (4) có cơ sở để đàm phán giãn nợ, tái cơ cấu các khoản nợ.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam tại Cao Bằng (Nhà máy). Địa chỉ Chi nhánh: Hạnh Phúc, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam tại Bắc Kạn. Địa chỉ Chi nhánh: Số 2, Ngõ 154, Đường Phùng Chí Kiên, Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền: 1.229,57 tỷ đồng, nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 863,37 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 86,24 tỷ đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 1.007,5 tỷ đồng, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 870,68 tỷ đồng.

Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay cá nhân, vay Ngân hàng PVcombank, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đặt ra kế hoạch thực hiện các phương án gia hạn khoản vay Ngân hàng PVcombank (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam) liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thép và tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản nợ tới hạn trả trong năm tiếp theo. Bên cạnh đó, các cổ đông lớn vẫn đang tích cực hỗ trợ về mặt tài chính cho Công ty, do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2024 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tổ chức, cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tích cực phối hợp chặt chẽ với PVcomBank tìm phương án giải quyết nợ vay, lãi vay liên quan đến đầu tư XD CB nhà máy sản xuất sắt xộp, đảm bảo mục tiêu kếp trả nợ vốn vay và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty đàm phán gia hạn các khoản phải trả và nợ vay cá nhân khác đến hạn cũng như thực hiện chuyển đổi các khoản vay đến hạn thành vốn góp; Các cổ đông lớn cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của các nhà cung cấp để Công ty đảm bảo có đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào.
- Phân đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả; làm thương hiệu và thị trường tốt, đưa Nhà máy vào chuỗi sản xuất Công nghiệp Quốc phòng và tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm hợp tác đầu tư sản xuất gang hoặc quặng vôi viên nhằm tận dụng tối đa nguồn quặng và hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.
- Xin thăm dò, khai thác mỏ mới tại Cao Bằng và Bắc Kạn; mở rộng, xây dựng Nhà máy sắt xộp và đúc thép đặc biệt phục vụ Công nghiệp Quốc phòng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế thu – chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20
Phần mềm kế toán	04

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 - 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và các hàng hóa, thiết bị khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm (tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế;
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa chiếm tỷ trọng nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	8.522.936	931.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	958.269.860	190.803.836
Tổng	966.792.796	191.735.125

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Quỳnh Dương	347.000.000	347.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim CBL	380.753.600	380.753.600
Công ty TNHH MTV Xây dựng 99	111.679.750	531.679.750
Công ty CP Đầu tư và Phát triển vật liệu mới công nghệ mới VSD	206.044.354	706.044.354
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phương Tân	6.343.543.902	4.139.699.570
Các đối tượng khác	441.313.947	604.498.947
Tổng	7.830.335.553	6.709.676.221
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 8.1)</i>	<i>206.044.354</i>	<i>706.044.354</i>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần ENCOPL Bằng Giang	84.119.444	115.083.000
Công ty TNHH Châu Nga	200.000.000	200.000.000
Công ty Đấu giá hợp Danh sao Việt	192.000.000	192.000.000
Trung Tâm Quan Trắc và Phân		
Tích môi trường tỉnh Cao Bằng	174.050.800	174.050.800
Các đối tượng khác	458.312.181	364.312.181
Tổng	1.108.482.425	1.045.445.981

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	319.088.411	(17.085.850)	322.397.805	(17.085.850)
Ký quỹ, ký cược	976.791.755	-	815.483.755	-
Ban QLDA Khoa học Công nghệ	2.282.691.895	-	2.282.691.895	-
Ông Trần Ngọc Khải	950.000.000	(950.000.000)	950.000.000	(950.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất				
Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp	67.522.194	-	67.522.194	-
Phải thu khác	4.496.457.110	-	260.283.520	-
Tổng	9.092.551.365	(967.085.850)	4.698.379.169	(967.085.850)
<i>Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.1)</i>	<i>141.539.125</i>	<i>-</i>	<i>141.539.125</i>	<i>-</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.5 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.690.775.256	-	1.690.775.256	-

Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Quỳnh Dương	347.000.000	(347.000.000)	347.000.000	(347.000.000)
DN tư nhân Hải Yến	146.409.386	(146.409.386)	146.409.386	(146.409.386)
Công ty Cổ phần Thép Kim Sinh Việt	82.291.497	(82.291.497)	82.291.497	(82.291.497)
Nguyễn Văn Thắng	17.085.850	(17.085.850)	17.085.850	(17.085.850)
Trần Ngọc Khải	950.000.000	(950.000.000)	950.000.000	(950.000.000)
Các đối tượng khác	147.988.523	(147.988.523)	147.988.523	(147.988.523)
Tổng	1.690.775.256	(1.690.775.256)	1.690.775.256	(1.690.775.256)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	8.835.757.911	-	1.998.099.429	-
Công cụ, dụng cụ	13.529.673	-	13.529.673	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	2.060.706.452	-	2.060.706.452	-
Thành phẩm	58.523.359.921	-	62.257.488.104	-
Tổng	69.433.353.957	-	66.329.823.658	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	81.625.000
Công cụ dụng cụ	-	81.625.000
b) Dài hạn	1.319.204.138	1.847.949.180
Quyền khai thác khoáng sản	507.426.618	761.139.942
Đền bù giải phóng mặt bằng	440.297.588	648.022.028
Chi phí sửa chữa lò Vim	267.497.994	301.287.210
Chi phí khác	103.981.938	137.500.000
Tổng	1.319.204.138	1.929.574.180

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2024	253.189.386.985	555.054.226.891	23.701.119.323	2.155.647.465	834.100.380.664
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	253.189.386.985	555.054.226.891	23.701.119.323	2.155.647.465	834.100.380.664
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư ngày 01/01/2024	106.296.092.774	313.846.968.532	23.701.119.309	2.155.647.465	445.999.828.080
Khấu hao trong năm	10.146.105.072	25.120.685.490	14	-	35.266.790.576
Số dư ngày 31/12/2024	116.442.197.846	338.967.654.022	23.701.119.323	2.155.647.465	481.266.618.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	146.893.294.211	241.207.258.359	14	-	388.100.552.584
Tại ngày 31/12/2024	136.747.189.139	216.086.572.869	-	-	352.833.762.008

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 46.058.808.198 đồng (tại ngày 31/12/2023: 25.890.100.107 đồng).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Trang web	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư ngày 01/01/2024	717.666.792	271.318.793	988.985.585
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	717.666.792	271.318.793	988.985.585
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư ngày 01/01/2024	717.666.792	271.318.793	988.985.585
Số dư ngày 31/12/2024	717.666.792	271.318.793	988.985.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư ngày 01/01/2024	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 988.985.585 đồng (tại ngày 31/12/2023: 988.985.585 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Lò luyện tinh Nhà máy thép giai đoạn 2 (i)	11.069.141.669	11.069.141.669	11.069.141.669	11.069.141.669
Dự án mỏ Bản Nùng, mỏ Lũng Viên (ii)	10.088.474.251	10.088.474.251	10.088.474.251	10.088.474.251
Các khoản khác	132.054.607	132.054.607	205.022.857	205.022.857
Tổng	21.289.670.527	21.289.670.527	21.362.638.777	21.362.638.777

(i) Thiết bị đầu tư cho Nhà máy luyện thép giai đoạn 2 trên cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu các Mỏ tại Cao Bằng và Bắc Kạn.

(ii) Các mỏ sắt đang trong quá trình giải phóng mặt bằng, thăm dò, đánh giá lại trữ lượng mỏ, xin cấp phép khai thác mới, hoàn thiện các thủ tục về diện tích mỏ, cất tâng đưa Mỏ về trạng thái an toàn theo yêu cầu của UBND tỉnh Cao Bằng.

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Đơn vị tính: VND					
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	391.660.000	-	(*)	391.660.000	-	(*)
Tổng	391.660.000	-		391.660.000	-	

Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9 (trước đây là Công ty Gốm sứ Bát Tràng) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101355915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2003. Địa chỉ đăng ký kinh doanh tại: Xóm 5, thôn Bát Tràng, xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/8/2023 Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9 đã trả cổ tức năm 2022 cho Mirex với số tiền: 6.733.500 đồng.

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư, do cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Nam Tiến Hà Khẩu Trung Quốc	87.333.507.230	87.333.507.230	87.333.507.230	87.333.507.230
Công ty Kunminh Trung Quốc	2.402.369.550	2.402.369.550	2.402.369.550	2.402.369.550
Công ty CP Dịch vụ vận tải Mirex	2.773.574.168	2.773.574.168	2.773.574.168	2.773.574.168
Doanh nghiệp tư nhân Anh Phương	1.783.674.062	1.783.674.062	1.783.674.062	1.783.674.062
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Anh Phương	903.586.209	903.586.209	903.586.209	903.586.209
Doanh nghiệp tư nhân Hữu Thành	1.263.834.275	1.263.834.275	1.263.834.275	1.263.834.275
Công ty Cổ phần SIC	13.143.184.526	13.143.184.526	13.143.184.526	13.143.184.526
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phương Tân	27.754.162.400	27.754.162.400	18.534.880.160	18.534.880.160
Các đối tượng khác	4.732.234.873	4.732.234.873	4.736.782.134	4.736.782.134
Tổng	142.090.127.293	142.090.127.293	132.875.392.314	132.875.392.314
<i>Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.1)</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>

Tổng giá trị các khoản nợ phải trả người bán không biến động, chưa có đối chiếu xác nhận số dư tại 31/12/2024 là: 97.595.893.443 đồng. Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng thanh toán đối với các khoản phải trả người bán này.

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	7.195.650	7.195.650
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hiệp Linh	7.195.650	7.195.650
Tổng	7.195.650	7.195.650

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Phải thu	Số phát sinh trong năm		Phải thu
	01/01/2024	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2024
Thuế GTGT nội địa	44.197.812	-	-	44.197.812
Tổng	44.197.812	-	-	44.197.812

b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	Phải nộp	Số phát sinh trong năm		Phải nộp
	01/01/2024	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	1.650.000	1.650.000	-
Thuế TNCN	14.130.000	73.668.316	70.809.983	16.988.333
Thuế tài nguyên	369.491.500	1.800.211.294	1.934.898.084	234.804.710
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	126.246.714	121.439.134	4.807.580
Thuế bảo vệ môi trường	287.254.499	1.551.850.071	1.659.703.060	179.401.510
Thuế Môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	77.819.779	76.197.779	1.622.000
Tổng	670.875.999	3.634.446.174	3.867.698.040	437.624.133

5.15 Phải trả ngắn, dài hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	512.877.683.562	477.278.457.455
Kinh phí công đoàn	420.399.975	420.399.975
BHXXH	7.029.845.835	7.379.845.835
BHYT	72.687.191	72.687.191
BHTN	103.115.449	103.115.449
Lãi vay phải trả Ngân hàng Pvcombank	429.053.228.277	393.885.904.415
Lãi vay cá nhân	9.731.738.643	9.006.136.397
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Phương Tân {1}	38.373.484.888	38.267.184.888
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển vật liệu mới công nghệ mới VSD {2}	14.879.000.000	14.879.000.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng	880.316.000	880.316.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Mirex	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả khác	10.333.867.304	10.383.867.305
b) Dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp {3}	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	522.877.683.562	487.278.457.455
<i>Trong đó: Phải trả với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 8.1)</i>	<i>444.765.980.752</i>	<i>409.557.813.532</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.15 Phải trả ngắn, dài hạn khác (Tiếp theo)

{1} Hợp tác kinh doanh khai thác mỏ với Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Phương Tân, gồm:

- Hợp tác khai thác chế biến quặng sắt mỏ Bản Luộc tại xã Thề Dục và Thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận và giá quặng trên thị trường.
- Hợp tác đầu tư thực hiện dự án khai thác mỏ quặng sắt Lũng Viền tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn (đang trong giai đoạn thăm dò trữ lượng và xin cấp Giấy phép khai thác). Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp 50/50.

{2} Hợp đồng hợp tác đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ để cùng đầu tư nghiên cứu hợp tác các dự án nghiên cứu khoa học theo đề tài, đóng góp bằng tiền, thiết bị, nguyên vật liệu. Phân chia quyền lợi: toàn bộ bằng phát minh, sáng chế, bản quyền tác giả được chứng nhận từ các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ được hai bên cùng sử dụng và khai thác trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa hai bên ở từng thời điểm cụ thể.

{3} Nhận đặt cọc tiền hàng theo hợp đồng gia công sản phẩm số 0109/2021/HĐGC/LH-MR ngày 01/9/2021 để thực hiện gia công sản xuất các sản phẩm: quặng sắt, sắt xộp, bột sắt, bột oxit sắt, phối thép và thép công nghệ cao.

10/1
3 TY
HH
COÁ
TNA
01

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

31/12/2024		Số phát sinh trong năm		01/01/2024		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	641.945.380.136	641.945.380.136	15.561.218.592	100.000.000	626.484.161.544	626.484.161.544	
Nguyễn Cảnh Hoàng {1}	15.683.393.997	15.683.393.997	-	-	15.683.393.997	15.683.393.997	
Nguyễn Xuân Dũng {1}	4.380.584.349	4.380.584.349	999.780.000	-	3.380.804.349	3.380.804.349	
Công ty Cổ phần SIC {1}	2.179.034.000	2.179.034.000	-	-	2.179.034.000	2.179.034.000	
Nguyễn Đức Dũng {1}	4.383.625.000	4.383.625.000	-	-	4.383.625.000	4.383.625.000	
Trần Văn Cảnh {2}	8.100.000.000	8.100.000.000	-	-	8.100.000.000	8.100.000.000	
Các cá nhân khác {2}	25.180.802.237	25.180.802.237	-	100.000.000	25.280.802.237	25.280.802.237	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam {3}							
- Vay VND	264.050.969.597	264.050.969.597	-	-	264.050.969.597	264.050.969.597	
- Vay USD (*)	317.986.970.956	317.986.970.956	14.561.438.592	-	303.425.532.364	303.425.532.364	
Tổng	641.945.380.136	641.945.380.136	15.561.218.592	100.000.000	626.484.161.544	626.484.161.544	
Trong đó: Vay với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 8.1)	604.280.952.899	604.280.952.899			588.720.734.307	588.720.734.307	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{1} Các hợp đồng đi vay với lãi suất 0%/năm. Thời gian vay không xác định, khi cần rút vốn, bên cho vay báo trước tối thiểu 10 ngày. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

{2} Các hợp đồng đi vay với lãi suất 3% - 10%/năm. Không có tài sản đảm bảo. Thời gian vay không xác định, khi cần rút vốn, bên cho vay báo trước tối thiểu 10 ngày. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

{3} Khoản vay Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 19/TDĐT-TH/PVFC/08 ngày 04/4/2008.

- Số tiền vay: 336.500.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi nhập gốc trong thời gian ân hạn.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Mục đích vay: Đầu tư Dự án sản xuất sắt xộp và phôi thép 100.000 tấn/năm tại xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và Dự án khai tuyển quặng sắt 200.000 tấn/năm tại xã Thê Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản cố định hình thành từ 02 dự án đầu tư nêu trên

- Lãi suất vay: Kể từ ngày 26/12/2014 lãi suất cho vay áp dụng theo công thức Lãi suất tham chiếu +5,75%/năm đối với khoản vay bằng VND và +2%/năm đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD).

(*) Khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD) có số dư nguyên tệ tại 31/12/2024 là 12.445.674,01 USD (tại 31/12/2022 là 12.445.674,01 USD). Tỷ giá quy đổi tại 31/12/2024 theo tỷ giá của Ngân hàng PVCombank là 24.380 đ/USD. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ: 8.649.743.437 đồng.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Số dư tại 01/01/2023	130.000.000.000	6.817.050.713	(827.214.158.013)	(690.397.107.300)*
Lỗ trong năm trước	-	-	(94.431.338.280)	(94.431.338.280)
Tăng khác (*)	-	-	393.149.030	393.149.030
Số dư tại 31/12/2023	130.000.000.000	6.817.050.713	(921.252.347.263)	(784.435.296.550)
Lỗ trong năm nay	-	-	(86.249.918.389)	(86.249.918.389)
Số dư tại 31/12/2024	130.000.000.000	6.817.050.713	(1.007.502.265.652)	(870.685.214.939)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần SIC	22.279.760.000	22.279.760.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	7.500.000.000	7.500.000.000
Nguyễn Xuân Dũng	26.023.785.000	26.023.785.000
Nguyễn Cảnh Hoàng	20.045.055.000	20.045.055.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.627.000.000	5.627.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	4.076.200.000	4.076.200.000
Các cổ đông khác	44.448.200.000	44.448.200.000
Tổng	130.000.000.000	130.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	15.797.746.018	15.724.024.441
Doanh thu dịch vụ gia công, cho thuê mặt bằng	942.077.273	5.732.994.546
Tổng	16.739.823.291	21.457.018.987

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	14.909.176.221	27.734.920.791
Giá vốn dịch vụ	9.125.284.260	3.951.981.852
Khấu hao TSCĐ dùng hoạt động	25.301.936.856	26.129.200.709
Tổng	49.336.397.337	57.816.103.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.028.356	561.495
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.733.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.998.222.309	-
Tổng	8.999.250.665	7.294.995

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi vay	35.892.926.108	42.474.023.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	23.559.660.901	8.649.743.437
Tổng	59.452.587.009	51.123.767.258

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.108.471.333	1.255.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	144.256.571	299.831.805
Thuế, phí, lệ phí	104.696.308	70.751.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.362.388	460.597.017
Chi phí bằng tiền khác	577.226.362	652.349.443
Tổng	2.091.012.962	2.738.529.438

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác	1.642.250.598	6.046.070.132
Giá trị thu hồi tài sản từ bỏ	-	4.389.000.000
Tiền điện thu các đơn vị thuê mặt bằng	1.636.250.598	1.657.070.132
Thu nhập khác	6.000.000	-
Chi phí khác	2.751.245.635	10.263.322.346
Giá trị còn lại các tài sản từ bỏ	-	8.382.559.420
Tiền điện sản xuất của các đơn vị thuê mặt bằng	2.116.021.299	1.589.531.324
Tiền phạt, chậm nộp	72.039.840	193.076.309
Chi phí khác	563.184.496	98.155.293
Lợi nhuận khác	(1.108.995.037)	(4.217.252.214)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế {1}	(86.249.918.389)	(94.431.338.280)
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế {2}	25.373.976.696	72.427.932.015
- Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính và chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	72.039.840	4.586.812.060
- Khấu hao TSCĐ dùng hoạt động	25.301.936.856	26.129.200.709
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND132	-	41.718.652.746
- Cổ tức lợi nhuận được chia từ Công ty Lũng Lô 9	-	(6.733.500)
Thu nhập chịu thuế {1} + {2}	(60.875.941.693)	(26.590.218.325)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(86.249.918.389)	(94.431.338.280)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ	(86.249.918.389)	(94.431.338.280)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(6.635)	(7.264)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.060.981.319	16.158.881.434
Chi phí công cụ, dụng cụ	166.049.922	1.208.658.526
Chi phí nhân công	283.000.000	641.700.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.266.790.576	37.127.992.890
Thuế, phí, lệ phí	104.696.308	70.751.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.918.607	13.726.802.589
Chi phí bằng tiền khác	14.041.873.747	12.683.577.185
Tổng	52.153.310.479	81.618.363.797

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay phát sinh theo Thuyết minh 5.16 Vay và nợ thuê tài chính: 15.561.218.592 đồng, trong đó số phát sinh do chênh lệch đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ là 14.561.438.592 đồng, số tiền đi vay ngắn hạn thực thu là: 999.780.000 đồng (Mã số 33 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Trường Sơn	Cổ đông lớn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank)	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên HĐQT
Các thành viên chủ chốt của Công ty gồm: Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt	Có ảnh hưởng đáng kể

b) Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

1. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Xuân Trung	Chủ tịch HĐQT		-	-
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		190.000.000	120.000.000
Bà Lê Cẩm Tú	Trưởng Ban Kiểm soát		-	-
Ông Ngô Văn Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát (Thời nhiệm ngày 31.03.2024)		33.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Định	Thành viên Ban Kiểm soát (Thời nhiệm ngày 31.03.2024)		33.000.000	132.000.000
2. Mua hàng hóa dịch vụ từ bên liên quan			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất	-	23.000.000
		Chi phí sửa chữa lò vim	-	318.181.818
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Thuê xe ô tô	96.000.000	120.000.000
Tổng			96.000.000	461.181.818
3. Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Bán hàng (bột sắt)	-	2.381.403.949
		Thuê kho năm 2023	-	120.000.000
Tổng			-	2.501.403.949

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan (Tiếp theo)

4. Giao dịch khác với bên liên quan			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Ngân hàng Pvcombank	Cổ đông lớn	Công ty trả nợ gốc vay	-	80.000.000
Ngân hàng Pvcombank	Cổ đông lớn	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại gốc vay ngoại tệ	35.167.323.862	8.649.743.437
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Công ty trả nợ gốc vay		7.500.000
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay	999.780.000	1.614.900.000
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Công ty trả nợ gốc vay	-	1.173.900.000

c) Số dư với các bên liên quan

1. Phải thu khách hàng			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Tiền bán hàng	206.044.354	706.044.354
Tổng			206.044.354	706.044.354

2. Phải thu khác			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Phải thu tạm ứng	141.539.125	141.539.125
Tổng			141.539.125	141.539.125

3. Phải trả người bán			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.143.184.526	13.143.184.526
Tổng			13.143.184.526	13.143.184.526

4. Vay và nợ thuê tài chính			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Ngân hàng Pvcombank	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	582.037.940.553	567.477.501.961
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Công ty phải trả nợ vay	4.380.584.349	3.380.804.349
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	15.683.393.997	15.683.393.997
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	2.179.034.000	2.179.034.000
Tổng			604.280.952.899	588.720.734.307

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

5. Phải trả khác			Năm 2024	Năm 2023
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Ngân hàng Pvccombank	Cổ đông lớn	Lãi vay Công ty còn phải trả	429.053.228.277	393.885.904.415
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Hợp tác đầu tư nghiên cứu khoa học	14.879.000.000	14.879.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Lãi vay Công ty còn phải trả	2.156.659	2.156.659
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Lãi vay Công ty còn phải trả	831.595.816	790.752.458
Tổng			444.765.980.752	409.557.813.532

8.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Võ Thị Hoài

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dũng